

**CÔNG TY CỔ PHẦN TMT INVEST**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TMT INVEST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TMT INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TMTI., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109191056

**3. Ngày thành lập:** 21/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1B, ngõ 26 phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                        | 4661(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4730        |
| 3.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                         | 5210        |
| 4.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                          | 6810        |
| 5.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản | 6820        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                    | 4610        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                           | 8230        |
| 8.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kiểm toán, kế toán)                                           | 6619        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                           | 7310        |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                            | 7320        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                       | 4211        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 19. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 20. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 21. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329 |
| 27. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330 |
| 28. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390 |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662 |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 33. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                               | 7410 |
| 34. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                          | 4520 |
| 35. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                      | 4530 |
| 36. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                             | 4512 |
| 37. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                       | 4513 |
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                              | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

Thời gian đăng từ ngày 21/05/2020 đến ngày 20/06/2020

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG VĂN MINH    | Thôn 3, Xã Thượng Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 10.000.000.000        | 20,000    | 001085026301                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 10.000.000.000        | 20,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | Tổ 8, Bắc Lãm 8, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 30.000.000.000        | 60,000    | 111510335                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 300.000    | 30.000.000.000        | 60,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                         |                           |         |                |        |              |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|----------------|--------|--------------|
| 3 | DƯƠNG KHÁNH TÙNG | TT xăng dầu, tổ dân phố số 4, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 10.000.000.000 | 20,000 | 037088000036 |
|   |                  |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                         | Tổng số                   | 100.000 | 10.000.000.000 | 20,000 |              |
|   |                  |                                                                                         |                           |         |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG KHÁNH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 23/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037088000036

Ngày cấp: 08/08/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT xăng dầu, tổ dân phố số 4, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TT xăng dầu, tổ dân phố số 4, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội